TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐĂKLĂK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 25 tháng 01 năm 2022.
V/v: *"Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Vinh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà H Bon Du; ông Y Đưng Knul.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 146/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DS ngày 07/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1988
Trú tại: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).
- Bị đơn: Anh **Ngọc Văn Đ**, sinh năm: 1986
Trú tại: Thôn H, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2021, bản tự khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Ngọc Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 05/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân là do anh Đ không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, ham chơi cờ bạc, gái gú, anh Đ coi thường gia đình bên vợ; hai vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm và lối sống, dẫn đến thường xuyên cãi vã bất hòa. Chị T và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 9/2021 đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngọc Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là cháu Ngọc Thanh S – Sinh ngày 06/10/2008.

Sau khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu S đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh Ngọc Văn Đ trình bày: Anh và chị T đăng ký kết hôn ngày 05/5/2008 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến tháng 9 năm 2021 vợ đi làm ở Bình Dương về thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân vợ làm đơn lên tòa đề nghị giải quyết ly hôn như thế nào thì anh không biết; vợ trình bày anh không có trách nhiệm với gia đình vợ con là không chính xác, anh vẫn quan tâm đến gia đình, chăm con, đầu năm 2021 vợ đưa con lên thành phố B ở với ông bà ngoại học, anh thi thoảng cũng lên thăm con. Anh thừa nhận có chơi cờ, nhưng chơi cờ cá độ nước với nhau chứ không ăn thua bằng tiền, về gái gú thì không có. Hiện nay giữa anh và vợ đã sống ly thân từ tháng 9/2021 đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không muốn bỏ vợ con nên đề nghị hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Ngọc Thanh S – Sinh ngày 06/10/2008.

Nếu chị T đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu S đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) thì anh đồng ý giao cháu S cho chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự. Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không đồng ý ly hôn, còn chị T thì nhất quyết xin ly hôn với anh Đ nên hòa giải đoàn tụ không thành.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Ngọc Văn Đ tại Ban tự quản và Hội phụ nữ thôn H, xã E, huyện B. Qua xác minh thì được biết chị T và anh Đ cũng có mâu thuẫn trong gia đình, chị T có làm đơn đề nghị ban thôn hòa giải nhưng không thành, được biết hiện nay hai người đã sống ly thân. Tòa án huyện Buôn Đôn đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng chị T vẫn nhất quyết xin được ly hôn với anh Ngọc Văn Đ, còn anh Đ thì không đồng ý ly hôn, nên hoà giải không thành. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngọc Văn Đ, về con chung, chị xin được nuôi cháu Ngọc Thanh S đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các đương

sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định xét xử, tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân & Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Ngọc Văn Đ.

Về con chung: Giao cho cháu Ngọc Thanh S – Sinh ngày 06/10/2008 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét; chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả hỏi công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngọc Văn Đ thì đây là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy chị Nguyễn Thị T và anh Ngọc Văn Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện B, tỉnh Đăk Lăk ngày 05/5/2008 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ. Qua xác minh tại nơi cư trú chị Nguyễn Thị T và anh Ngọc Văn Đ sinh sống thì được biết chị T và anh Đ có mâu thuẫn cãi nhau, ban thôn đã tiến hành hòa giải nhưng không được. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị T nhất quyết đòi ly hôn với anh Đ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ kéo dài hôn nhân của các bên cũng không thể mang lại hạnh phúc cho nhau. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân & Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Ngọc Văn Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Ngọc Thanh S có nguyện vọng được sống với mẹ, hơn nữa anh Đ cũng đồng ý giao cháu S cho chị T nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật Hôn nhân & Gia đình, giao cho cháu Ngọc Thanh S

cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy chị T thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân & Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân***:** Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Ngọc Văn Đ.

- *Về nuôi con chung*: Giao cháu Ngọc Thanh S – Sinh ngày 06/10/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 0002450 ngày 19/11/2021.

- Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Ngọc Văn Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Vinh Tuấn

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- THADS huyện B;
- UBND xã E;
- Các đương sự; Lưu hồ sơ.